

Số: 113/2019/CV- SBSI

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3377 6699 - Fax: (+84) 24 3373 6699
- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Phương Thảo
Chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ
- Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers công bố thông tin về:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018;
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận số 112/2019/CV-SBSI;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Thông tin này chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29 tháng 03 năm 2019 tại đường dẫn: <http://sbsi.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Thị Phương Thảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
STANLEY BROTHERS**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6 – 15
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	16 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tên trước ngày 31 tháng 01 năm 2019 là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Bà Nguyễn Thị Ánh	Chủ tịch	02/3/2017	02/8/2018
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Chủ tịch	02/3/2017	02/8/2018
Ông Quách Mạnh Hồng	Chủ tịch	02/8/2018	
Ông Phạm Đăng Trường	Thành viên	02/8/2018	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên	02/8/2018	
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	02/8/2018	
Ông Đỗ Trung Sơn	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
Ông Trần Đức Chiến	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Trần Đức Minh	Trưởng ban	02/3/2017	02/8/2018
Bà Nguyễn Thị Ánh	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
Bà Trần Thị Tâm	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
Bà Phí Thị Thu Hà	Trưởng ban	02/8/2018	
Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành viên	02/8/2018	
Bà Giang Thị Mai Hoa	Thành viên	02/8/2018	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Đỗ Trung Sơn	Tổng Giám đốc	02/3/2017	31/8/2018
Ông Phạm Đăng Trường	Tổng Giám đốc	26/11/2018	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng giám đốc	02/8/2018	
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	01/9/2018	26/11/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình vốn khả dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 17 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2018-037-1

NGÔ MINH LẬP - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3567-2017-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

Số công văn:

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng quy định tại định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

ĐÀO THỊ THANH

Kế toán trưởng

PHÍ THỊ THU HÀ

Trưởng ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TT	Các chỉ tiêu	Chi tiết	Giá trị rủi ro /Vốn khả dụng
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	PHẦN IIA	-
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	PHẦN IIB	327.970.554
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	PHẦN IIC	7.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	PHẦN II	7.327.970.554
5.	Vốn khả dụng	PHẦN I	313.575.088.720
6.	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)		4279,15%

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG
Tổng Giám đốc

ĐÀO THỊ THANH
Kế toán trưởng

BÙI THỊ VIỆT HÀ
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A.	Vốn Chủ sở hữu	(1)	(2)	(3)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	339.000.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3.	Cổ phiếu quỹ			
4.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phân vốn			
5.	Vốn khác của chủ sở hữu			
6.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			
9.	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu			
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.564.719.229		
11.	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản			
12.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15.	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính			
16.	Vốn khác (nếu có)			
1A	Tổng			341.564.719.229
B.	Tài sản ngắn hạn			
I.	Tài sản tài chính		2.646.610.584	
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4.	Các khoản cho vay			
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7.	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính, Phải thu và dự thu cổ tức, Tiền lãi từ các tài sản tài chính) - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8.	Chứng quyền có bảo đảm, chưa phát hành hết			
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			189.846.364
11.	Phải thu nội bộ - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
12.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	+ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	+ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13.	Các khoản phải thu khác			
	+ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	+ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày (*)		2.456.764.220	
14.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II.	Tài sản ngắn hạn khác		17.268.237.602	
1.	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		17.239.178.875	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		29.058.727	
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5.	Thuế GTGT được khấu trừ			
6.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
7.	Tài sản ngắn hạn khác			
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		19.914.848.186	
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1.	Các khoản phải thu dài hạn			
2.	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm giá trị khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
2.4	Đầu tư dài hạn khác			
II	Tài sản cố định		5.273.196.299	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác		2.801.586.024	
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.351.278.554	
2.	Chi phí trả trước dài hạn		553.660.760	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		896.646.710	
5.	Tài sản dài hạn khác			
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		8.074.782.323	
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1.	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2.	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng		-	
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				313.575.088.720

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ghi chú:

B. Tài sản ngắn hạn

I. Tài sản tài chính

13. Các khoản phải thu khác
+ Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày (*) 2.456.764.220

Bao gồm:

Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày 165.090.334

Trả trước cho người bán 2.291.673.886

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

PHẦN IIA. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạn mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			288.515.953.043	-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	288.515.953.043	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%		-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		-
II. Trái phiếu chính phủ				-
4.	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1	Trái phiếu chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, AIDB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

IV. Cổ phiếu			-	-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chứng chỉ quỹ đại chúng mở	10%		-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.	15%		-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		-
12	Cổ phiếu của Công ty đại chúng khác	50%		-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Chứng khoán Phái sinh				-
17.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		-
18.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		-
VIII. Chứng khoán khác				-
19.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		-
20.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		-
21.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc chỉ số đạt chuẩn	100%		-
22.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%		-
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%		-
24.	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành ($Ro=(PoxQoxk-P1xQ1)xR-MD$)			-
25.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			-
26.	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.		-	-
2.		-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN IIB. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

TT	Chi tiêu	Giá trị rủi ro						Giá trị rủi ro
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							327.970.554
II.	Rủi ro quá thời hạn thanh toán							-
III.	Rủi ro tăng thêm							-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán							327.970.554	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	327.970.554	-	327.970.554
2.	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							327.970.554	
Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:								
Đối tác thanh toán cho Công ty							Hệ số rủi ro thanh toán	
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;						0%	
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán						0,80%	
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán						3,20%	
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty						4,80%	
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam						6%	
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác						8%	
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-		
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng	32%		-		-		
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng	48%		-		-		
4.	Từ 60 ngày trở lên	100%		-		-		
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN							-	
III. Rủi ro tăng thêm								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
							-	
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM							-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN IIC. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

TT	Nội dung	Giá trị
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	11.936.432.905
	Các khoản giảm trừ tổng chi phí	720.918.757
	1. Chi phí khấu hao	720.918.757
	2. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế	-
II.	3. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
	4. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
	5. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	11.215.514.148
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.803.878.537
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	7.000.000.000
	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (MAX{IV,V})	7.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tên cũ là Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 83/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định thay đổi như sau:

- Quyết định số 30/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2009, chuẩn y việc bổ sung Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ tại Số 111 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 357/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 5 và 6 Tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2010, chuẩn y việc chấm dứt hoạt động của Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ.
- Quyết định số 15/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2013, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 11/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ánh, Chủ tịch HĐQT và chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về Tầng 15- Tòa nhà Diamond Flower địa chỉ số 1 đường Hoàng Đạo Thúy (Lô C1 Khu Đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính), Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Quyết định số 29/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 7 năm 2017, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 15- Tòa nhà Diamond Flower địa chỉ số 1 đường Hoàng Đạo Thúy (Lô C1 Khu Đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính), Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội đến Tầng 15 - Tòa nhà Diamond Flower địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 79/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thế Minh, Tổng Giám đốc;
- Quyết định số 108/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Đăng Trường, Tổng Giám đốc.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

• **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 35.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-04) 3377 6699

Fax : (84-024) 222 3070

Mã số thuế : **0 3 0 5 4 5 3 7 8 0**

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 22 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH VÀ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Báo cáo này được lập chủ yếu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán.

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG
Tổng Giám đốc

ĐÀO THỊ THANH
Kế toán trưởng

BÙI THỊ VIỆT HÀ
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo